

Số: 760/NCTS-CBTT

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2023

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM  
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài

- Mã chứng khoán: NCT

- Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, tp.Hà Nội

- Điện thoại: (84-24) 35840905

Fax: (84-24) 35840906

- E-mail: [hienntt.acc@noibaicargo.com.vn](mailto:hienntt.acc@noibaicargo.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã soát xét.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 04/08/2023 tại đường dẫn: [www.noibaicargo.com.vn](http://www.noibaicargo.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**Đại diện tổ chức**

Người ủy quyền CBTT

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2023.

  
**Nguyễn Thị Thu Hiền**

Số: 758/CBTT-NCTS

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2023

V/v: Giải trình biến động kết quả SXKD  
6 tháng đầu năm 2023

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

1. Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài
2. Tên giao dịch: Noibai Cargo Terminal Services Jsc.,
3. Mã chứng khoán: NCT
4. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 Tòa nhà NTS - Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội
5. Điện thoại: (84-24) 35840905 Fax: (84-24) 35840906
6. Website: noibaicargo.com.vn
7. Sàn giao dịch: Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE)
8. Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023.

Ngày 04/8/2023, NCT thực hiện công bố Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 đã được soát xét. Trong 6 tháng đầu năm 2023, nền kinh tế nói chung và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng của dịch bệnh và suy thoái kinh tế. Đặc biệt xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina tiếp tục kéo dài, giá cả nhiên liệu, hàng hóa tiếp tục tăng cao, các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là sản xuất công nghiệp, xuất nhập khẩu, bị ảnh hưởng đáng kể. Tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của nước ta trong 6 tháng đầu năm 2023 lần lượt giảm 12,1% và 18,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Trước tình hình đó, sản lượng phục vụ 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty cũng bị ảnh hưởng không nhỏ, trong khi đó cùng kỳ năm 2022 (đặc biệt là 4 tháng đầu năm 2022) có sản lượng tăng đột biến, theo đó so với cùng kỳ năm 2022 lợi nhuận trước thuế và sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 lần lượt giảm 15,9% và 15,5%.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ HÀNG HÓA  
NỘI BÀI  
H. SÓC SƠN - T.P. HÀ NỘI  
M.S.D. 01640730

Nguyễn Duy Việt

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN NGÀY 30/06/2023**



---

Hà Nội, tháng 07 năm 2023

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Giang Tiến	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Việt	Thành viên	Bổ nhiệm từ 28/06/2023
Ông Nguyễn Xuân Phúc	Thành viên	Thôi giữ chức vụ từ 28/06/2023
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên	
Ông Đặng Ngọc Trường	Thành viên	Bổ nhiệm từ 28/06/2023
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	Thôi giữ chức vụ từ 28/06/2023

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban	
Ông Vũ Xuân Mạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên	Bổ nhiệm từ 28/06/2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Thôi giữ chức vụ từ 28/06/2023

#### **Tiểu ban Kiểm toán nội bộ**

Bà Hồ Xuân Hiếu	Trưởng tiểu ban	Bổ nhiệm từ 15/04/2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng tiểu ban	Thôi giữ chức vụ từ 17/01/2023
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên	

#### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Duy Việt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 01/01/2023
Ông Nguyễn Xuân Phúc	Tổng Giám đốc	Thôi giữ chức vụ từ 01/01/2023
Ông Đinh Trọng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Văn Đình	Kế toán trưởng	

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có hiệu lực từ 01/01/2020; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



**Nguyễn Duy Việt**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023

Số: 779/2023/UHY - BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 07 năm 2023, từ trang 05 đến trang 34 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



*Nguyễn Thị Thu Hà*

**Nguyễn Thị Thu Hà**  
**Giám đốc kiểm toán**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2023-112-1  
Giấy ủy quyền số 16/2023/UHY-UQ ngày 08/06/2023

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>416.771.861.527</b>	<b>316.848.662.751</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	40.052.265.556	41.481.563.120
Tiền	111		40.052.265.556	31.481.563.120
Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		294.300.000.000	190.670.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	294.300.000.000	190.670.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.566.437.332	69.970.591.275
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	58.585.810.622	63.494.246.659
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.708.306.309	3.726.406.309
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.824.634.111	3.617.310.255
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	6	(552.313.710)	(867.371.948)
Hàng tồn kho	140	10	2.403.056.501	3.139.347.825
Hàng tồn kho	141		2.403.056.501	3.139.347.825
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.450.102.138	11.587.160.531
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	13.450.102.138	11.244.768.696
Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	-	342.391.835
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>173.581.151.296</b>	<b>183.749.949.863</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	8	6.000.000	-
Tài sản cố định	220		106.151.431.343	114.255.187.392
Tài sản cố định hữu hình	221	12	99.609.757.047	106.676.599.900
- Nguyên giá	222		370.068.241.767	361.277.559.584
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(270.458.484.720)	(254.600.959.684)
Tài sản cố định vô hình	227	13	6.541.674.296	7.578.587.492
- Nguyên giá	228		18.115.535.250	18.115.535.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.573.860.954)	(10.536.947.758)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		65.049.600.000	65.049.600.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	9	65.049.600.000	65.049.600.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.374.119.953	4.445.162.471
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.374.119.953	4.440.757.113
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	-	4.405.358
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>590.353.012.823</b>	<b>500.598.612.614</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 30/06/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>68.318.703.577</b>	<b>68.261.492.615</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.797.172.704</b>	<b>59.181.492.615</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.536.719.778	6.311.865.587
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	14.594.072.660	18.194.870.486
Phải trả người lao động	314		19.526.275.910	30.524.434.405
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	8.171.985.134	296.769.512
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	3.256.386.447	2.610.263.195
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.711.732.775	1.243.289.430
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.521.530.873</b>	<b>9.080.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17	9.516.501.190	9.080.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	5.029.683	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>522.034.309.246</b>	<b>432.337.119.999</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>522.034.309.246</b>	<b>432.337.119.999</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		261.669.400.000	261.669.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		261.669.400.000	261.669.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		38.369.630	38.369.630
Cổ phiếu quỹ	415		(12.080.000)	(12.080.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		260.338.619.616	170.641.430.369
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		164.236.487.024	25.035.599.817
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		96.102.132.592	145.605.830.552
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>590.353.012.823</b>	<b>500.598.612.614</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu  
  
Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng  
  
Đinh Văn Đình

Tổng Giám đốc  
  
Nguyễn Duy Việt

  
M.S.D.N: 01016407  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ HÀNG HÓA  
NỘI BÀI  
H. SÓC SƠN - T. PHÂN LÃI

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	305.736.712.764	371.573.199.204
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		305.736.712.764	371.573.199.204
Giá vốn hàng bán	11	22	161.627.740.769	188.805.123.479
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		144.108.971.995	182.768.075.725
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	13.705.427.992	5.703.260.424
Chi phí tài chính	22	24	43.466.843	13.317.376
Chi phí bán hàng	25	25	5.380.407.722	7.713.509.118
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	32.521.787.258	38.297.354.290
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		119.868.738.164	142.447.155.365
Thu nhập khác	31		190.568	784.114
Chi phí khác	32		2.372.562	7.609
Lợi nhuận khác	40		(2.181.994)	776.505
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		119.866.556.170	142.447.931.870
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	23.754.988.537	28.715.801.345
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	9.435.041	7.777.156
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		96.102.132.592	113.724.353.369
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.673	4.346

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đinh Văn Đình

Tổng Giám đốc

Nguyễn Duy Việt

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>119.866.556.170</b>	<b>142.447.931.870</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	02		16.894.438.232	13.094.743.909
Các khoản dự phòng	03		(315.058.238)	163.809.406
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(20.990.497)	(30.749.384)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(13.653.538.060)	(5.654.027.081)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>122.771.407.607</b>	<b>150.021.708.720</b>
Giảm các khoản phải thu	09		5.079.321.900	29.241.631.672
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		736.291.324	(95.228.658)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		851.734.547	(21.938.104.136)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(138.696.282)	2.437.461.879
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(27.841.460.862)	(29.486.400.345)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (*)	17		(2.936.500.000)	(4.282.520.008)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>98.522.098.234</b>	<b>125.898.549.124</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.772.582.183)	(16.748.669.753)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(294.300.000.000)	(241.590.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		190.670.000.000	230.860.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.430.762.925	4.804.171.876
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(99.971.819.258)</b>	<b>(22.674.497.877)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến	Từ 01/01/2022 đến
			30/06/2023	30/06/2022
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.252.525)	(102.296.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.252.525)</b>	<b>(102.296.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.453.973.549)</b>	<b>103.121.755.247</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>41.481.563.120</b>	<b>59.918.930.813</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		24.675.985	30.810.963
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>40.052.265.556</b>	<b>163.071.497.023</b>

(\*) Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh là tiền chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đinh Văn Đình

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Việt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài, tên viết tắt là NCTS JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0101640729 đăng ký lần đầu ngày 19/04/2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 06/01/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 261.669.400.000 đồng chia thành 26.166.940 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP góp 144.254.010.000 đồng, chiếm tỷ lệ 55,13%, các cổ đông khác góp 117.415.390.000 đồng, chiếm tỷ lệ 44,87%. Ngày 08/01/2015, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài đã chính thức niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 721 người (tại ngày 31/12/2022 là 736 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Kinh doanh dịch vụ hàng hóa và các dịch vụ khác có liên quan đến dịch vụ phục vụ hàng hóa bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết bao gồm:

- + Dịch vụ khai thác nhà ga hành khách;
- + Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa;
- + Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
- + Dịch vụ vận chuyển mặt đất;
- + Các dịch vụ khác hỗ trợ cho vận chuyển.

Các ngành nghề khác: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Chuyển phát Quảng cáo; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Cung ứng lao động tạm thời; Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét và hoàn toàn có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (TIẾP)****2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (Thông tư 200) và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**4.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10
- Máy móc, thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải, bốc dỡ hàng hóa	06 - 09
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Tài sản cố định vô hình bao gồm các phần mềm phục vụ hàng hóa, phần mềm kế toán, quản lý nhân sự, phần mềm quản lý kho... Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao 05 năm.

#### **4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí thuê tài sản, thuê mặt bằng cho nhiều kỳ, công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và có giá gốc trên 10 triệu đồng, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 02 năm (đối với công cụ dụng cụ) hoặc theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê tài sản).

#### **4.9 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần". Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.11 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.12 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch. Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch. Tỷ giá khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ; Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam); Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam).

**4.13 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ*****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Là lợi nhuận được chia (nếu có) từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu. Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ. Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.13 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)****Chi phí hoạt động**

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ.

**4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC****Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay của hãng hàng không Quốc tế hoặc Doanh nghiệp chế xuất chịu thuế suất thuế GTGT 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay của hãng hàng không Quốc nội chịu thuế suất thuế GTGT 10%; doanh thu dịch vụ xử lý hàng hóa chịu thuế suất 10%; thuế suất các dịch vụ khác là 10%.

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ, một số dịch vụ của Công ty được giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% kể từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022. Và theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ, một số dịch vụ của Công ty được giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% kể từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

**4.15 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,  
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.15 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài là Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP, các Công ty con thuộc Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty và các bên liên quan khác theo quy định của pháp luật.

**4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan tới phục vụ, xử lý hàng hóa, lưu kho hàng hóa, các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	331.636.680	820.918.261
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.720.628.876	30.660.644.859
Các khoản tương đương tiền (*)	-	10.000.000.000
	<b>40.052.265.556</b>	<b>41.481.563.120</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	12.125.441.495	-	16.457.979.043	-
- Etihad Airways <EY>	4.284.900.040	-	5.202.113.449	-
- Assiana Airlines(OZ)	4.461.791.889	-	4.105.564.206	-
- Pacific Airlines <BL>	2.581.140.239	(552.313.710)	2.621.653.755	(867.371.948)
- Các đối tượng khác	35.132.536.959	-	35.106.936.206	-
	<b>58.585.810.622</b>	<b>(552.313.710)</b>	<b>63.494.246.659</b>	<b>(867.371.948)</b>
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31.3)</i>	<b>15.706.767.321</b>	<b>(552.313.710)</b>	<b>19.676.149.818</b>	<b>(867.371.948)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,  
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	1.512.148.942	1.512.148.942
- Công ty Cổ phần Đầu tư xuất nhập khẩu Nam Anh	-	2.194.500.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Giải pháp Bình Minh	176.400.000	-
- Các đối tượng khác	19.757.367	19.757.367
	<b>1.708.306.309</b>	<b>3.726.406.309</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.824.634.111</b>	-	<b>3.617.310.255</b>	-
- Tạm ứng	80.780.000	-	-	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	6.566.351.685	-	3.343.576.550	-
- Phải thu khác	177.502.426	-	273.733.705	-
<b>Dài hạn</b>	<b>6.000.000</b>	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	-	-
	<b>6.830.634.111</b>	-	<b>3.617.310.255</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2023		01/01/2023			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>294.300.000.000</b>	<b>294.300.000.000</b>	-	<b>190.670.000.000</b>	<b>190.670.000.000</b>	-
- Ngắn hạn	294.300.000.000	294.300.000.000	-	190.670.000.000	190.670.000.000	-
+ <i>Tiền gửi có kỳ hạn (*)</i>	294.300.000.000	294.300.000.000	-	190.670.000.000	190.670.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư góp vốn vào các</b>	<b>65.049.600.000</b>		-	<b>65.049.600.000</b>		-
- Đầu tư vào đơn vị khác	65.049.600.000		-	65.049.600.000		-
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (ALS)(**)	65.049.600.000	(**)	-	65.049.600.000	(**)	-
	<b>359.349.600.000</b>			<b>255.719.600.000</b>		

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến không quá 1 năm tại các ngân hàng thương mại.

(\*\*) Trong kỳ, Công ty ALS trả cổ tức tạm ứng lần 1 năm 2022 với tỷ lệ 5% Vốn điều lệ bằng tiền tương đương là 5.008.819.000 đồng. Tổng số cổ phần Công ty nắm giữ tại Công ty ALS tại ngày 30/06/2023 là 10.017.638 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 9,993% (tại ngày 31/12/2022 là 10.017.638 cổ phần, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 9,993%). Khoản đầu tư này chưa xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023 của ALS số 01/NQ-ĐHCĐ/ALS ngày 19/06/2023 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 của ALS là 15% Vốn điều lệ, trong đó 5% bằng tiền mặt (đã tạm ứng) và 10% bằng cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,  
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	2.398.256.501	-	3.134.547.825	-
- Công cụ, dụng cụ	4.800.000	-	4.800.000	-
	<b>2.403.056.501</b>	<b>-</b>	<b>3.139.347.825</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.450.102.138</b>	<b>11.244.768.696</b>
- Chi trả trước về thuê mặt bằng	12.930.496.460	10.737.469.680
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	519.605.678	507.299.016
<b>Dài hạn</b>	<b>2.374.119.953</b>	<b>4.440.757.113</b>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	620.334.789	437.751.142
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.753.785.164	4.003.005.971
	<b>15.824.222.091</b>	<b>15.685.525.809</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2023	23.120.166.299	82.211.143.285	207.715.814.008	48.230.435.992	361.277.559.584
- Mua trong kỳ	-	-	6.650.000.000	2.140.682.183	8.790.682.183
30/06/2023	<u>23.120.166.299</u>	<u>82.211.143.285</u>	<u>214.365.814.008</u>	<u>50.371.118.175</u>	<u>370.068.241.767</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2023	14.064.767.926	54.188.613.339	149.060.610.868	37.286.967.551	254.600.959.684
- Khấu hao trong kỳ	1.156.008.318	3.758.498.716	7.864.464.349	3.078.553.653	15.857.525.036
30/06/2023	<u>15.220.776.244</u>	<u>57.947.112.055</u>	<u>156.925.075.217</u>	<u>40.365.521.204</u>	<u>270.458.484.720</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2023	9.055.398.373	28.022.529.946	58.655.203.140	10.943.468.441	106.676.599.900
30/06/2023	<u>7.899.390.055</u>	<u>24.264.031.230</u>	<u>57.440.738.791</u>	<u>10.005.596.971</u>	<u>99.609.757.047</u>

Tại ngày 30/06/2023, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 174.402.522.432 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 167.085.704.250 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,  
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phân mềm máy vi tính	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2023	18.115.535.250	18.115.535.250
30/06/2023	<u>18.115.535.250</u>	<u>18.115.535.250</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2023	10.536.947.758	10.536.947.758
- Khấu hao trong kỳ	1.036.913.196	1.036.913.196
30/06/2023	<u>11.573.860.954</u>	<u>11.573.860.954</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2023	7.578.587.492	7.578.587.492
30/06/2023	<u>6.541.674.296</u>	<u>6.541.674.296</u>

Tại ngày 30/06/2023, nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.818.435.250 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 7.180.435.250 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty TNHH toàn cầu Khải Minh	1.316.231.726	1.316.231.726	-	-
- Tổng công ty May 10 - CTCP	792.720.000	792.720.000	-	-
- Công ty cổ phần tập đoàn Thiên Minh Đức	718.826.920	718.826.920	917.563.660	917.563.660
- Công ty TNHH dịch vụ kho vận ALS	683.323.218	683.323.218	576.699.074	576.699.074
- Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	498.454.427	498.454.427	450.632.195	450.632.195
- Cảng HK Quốc tế Nội Bài-CN TCT Cảng Hàng không VN-CTCP	382.051.251	382.051.251	651.216.230	651.216.230
- Công ty TNHH MTV dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam-CN Nội Bài	17.539.720	17.539.720	18.157.480	18.157.480
- Công ty TNHH thương mại và vận tải Hồng Anh	-	-	851.707.440	851.707.440
- Công ty Cổ phần Logistics ASG	-	-	364.959.733	364.959.733
- Đối tượng khác	4.127.572.516	4.127.572.516	2.480.929.775	2.480.929.775
	<b>8.536.719.778</b>	<b>8.536.719.778</b>	<b>6.311.865.587</b>	<b>6.311.865.587</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 31.3)</b>	<b>494.852.956</b>	<b>494.852.956</b>	<b>425.102.971</b>	<b>425.102.971</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp bằng tiền trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>18.194.870.486</b>	<b>38.606.858.481</b>	<b>42.207.656.307</b>	<b>14.594.072.660</b>
- Thuế giá trị gia tăng	-	12.866.438.384	11.484.878.072	1.381.560.312
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.256.354.008	23.754.988.537	27.841.460.862	13.169.881.683
- Thuế thu nhập cá nhân	938.516.478	1.807.349.812	2.703.235.625	42.630.665
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	149.993.748	149.993.748	-
- Thuế nhà thầu	-	25.088.000	25.088.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>342.391.835</b>	<b>9.737.043.332</b>	<b>10.079.435.167</b>	<b>-</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>01/01/2023</b>	<b>Số được khấu trừ trong kỳ</b>	<b>Số đã khấu trừ trong kỳ</b>	<b>30/06/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,  
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.171.985.134</b>	<b>296.769.512</b>
- Chi có tính chất phúc lợi	3.500.000.000	-
- Chi phí thuê mặt bằng	1.185.050.000	-
- Phụ cấp độc hại	1.715.186.977	16.059.977
- Chi phí trích trả ALS	476.550.544	244.709.535
- Chi phí vệ sinh	84.500.000	-
- Chi phí SITA	30.000.000	36.000.000
- Chi phí khác	1.180.697.613	-
	<b>8.171.985.134</b>	<b>296.769.512</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.256.386.447</b>	<b>2.610.263.195</b>
- Cổ tức phải trả	2.073.832.202	2.078.084.727
- Đoàn phí công đoàn	1.014.047.052	510.930.468
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	168.507.193	21.248.000
<b>Dài hạn</b>	<b>9.516.501.190</b>	<b>9.080.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.516.501.190	9.080.000.000
	<b>12.772.887.637</b>	<b>11.690.263.195</b>

**18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI & THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>4.405.359</b>
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm của khoản mục tiền và phải thu	-	22.026.791
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả</b>	<b>5.029.683</b>	<b>-</b>
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	25.148.417	-
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	20%	-
	<b>5.029.683</b>	<b>4.405.358</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>01/01/2022</b>	<b>261.669.400.000</b>	<b>38.369.630</b>	<b>(12.080.000)</b>	<b>195.654.721.638</b>	<b>457.350.411.268</b>				
- Lãi trong năm	-	-	-	237.185.892.552	237.185.892.552				
- Phân phối lợi nhuận còn lại năm 2021	-	-	-	(164.844.111.600)	(164.844.111.600)				
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng HĐQT/BKS năm 2021	-	-	-	(5.775.010.221)	(5.775.010.221)				
- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(91.580.062.000)	(91.580.062.000)				
<b>31/12/2022</b>	<b>261.669.400.000</b>	<b>38.369.630</b>	<b>(12.080.000)</b>	<b>170.641.430.369</b>	<b>432.337.119.999</b>				
<b>01/01/2023</b>	<b>261.669.400.000</b>	<b>38.369.630</b>	<b>(12.080.000)</b>	<b>170.641.430.369</b>	<b>432.337.119.999</b>				
- Lãi trong kỳ	-	-	-	96.102.132.592	96.102.132.592				
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng HĐQT/BKS năm 2022 (*)	-	-	-	(6.404.943.345)	(6.404.943.345)				
<b>30/06/2023</b>	<b>261.669.400.000</b>	<b>38.369.630</b>	<b>(12.080.000)</b>	<b>260.338.619.616</b>	<b>522.034.309.246</b>				

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết số 0123/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 6.240.903.345 đồng và thưởng thành viên HĐQT/BKS năm 2022 số tiền 164.040.000 đồng.

Ngoài ra, theo Nghị quyết số 0123/NQ-ĐHĐCĐ nêu trên Đại hội đồng Cổ đông cũng đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền năm 2022 trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty là 85% Vốn điều lệ. Trong đó, ngày 15/12/2022 Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức tạm ứng lần 1 năm 2022 với tỷ lệ 35% Vốn điều lệ theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT/NCTS ngày 02/11/2022 của Hội đồng quản trị Công ty. Ngày 28/06/2023, Hội đồng quản trị Công ty cũng đã ban hành Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT/NCTS về việc chi trả cổ tức còn lại năm 2022 với tỷ lệ là 50% Vốn điều lệ, ngày chốt quyền nhận cổ tức là 28/07/2023, chi trả từ ngày 28/08/2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,  
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	30/06/2023		01/01/2023	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	144.254.010.000	55,13%	144.254.010.000	55,13%
AMERICA LLC	25.973.500.000	9,93%	22.973.500.000	8,78%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	18.276.490.000	6,98%	18.276.490.000	6,98%
Các cổ đông khác	73.165.400.000	27,96%	76.165.400.000	29,11%
	<b>261.669.400.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>261.669.400.000</b>	<b>100,00%</b>

Tại ngày 30/06/2023, các cổ đông đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần.

**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	261.669.400.000	261.669.400.000
+ Vốn góp đầu kỳ	261.669.400.000	261.669.400.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	261.669.400.000	261.669.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.252.525	102.296.000

**19.4 Cổ phiếu**

	30/06/2023 CP	01/01/2023 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.166.940	26.166.940
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.166.940	26.166.940
+ Cổ phiếu phổ thông	26.166.940	26.166.940
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.208	1.208
+ Cổ phiếu phổ thông	1.208	1.208
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.165.732	26.165.732
+ Cổ phiếu phổ thông	26.165.732	26.165.732
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,

Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023

đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Ngoại tệ các loại (USD)	109.324,89	60.098,84

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</u>
+ Doanh thu phục vụ hàng hoá (*)	84.348.222.983	111.059.373.686
+ Doanh thu xử lý hàng hoá	146.676.522.691	159.420.938.736
+ Doanh thu lưu kho	34.189.767.700	53.030.695.598
+ Doanh thu dịch vụ khác	40.522.199.390	48.062.191.184
	<u>305.736.712.764</u>	<u>371.573.199.204</u>
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31.2)</i>	<u>19.217.401.827</u>	<u>19.018.189.793</u>

(\*) Trong đó, doanh thu phục vụ hàng hóa cho các hãng hàng không không bao gồm doanh thu cung cấp cho Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2023 là 68.550.599.729 đồng.

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</u>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	161.627.740.769	188.805.123.479
	<u>161.627.740.769</u>	<u>188.805.123.479</u>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.644.719.060	5.654.027.081
Cổ tức từ ALS	5.008.819.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	26.741.515	30.749.384
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	25.148.417	18.483.959
	<u>13.705.427.992</u>	<u>5.703.260.424</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,  
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	39.308.923	13.317.376
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	4.157.920	-
	<b>43.466.843</b>	<b>13.317.376</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí xúc tiến thương mại	5.380.407.722	7.713.509.118
	<b>5.380.407.722</b>	<b>7.713.509.118</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân công	10.249.634.987	11.660.449.105
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	807.064.791	983.718.819
Chi công cụ, dụng cụ	508.810.582	377.897.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.045.652.661	3.097.070.397
Chi bảo dưỡng, sửa chữa	1.598.686.640	1.826.089.726
Chi phí thuê văn phòng, thuê tài sản	3.073.462.800	2.950.892.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.872.932.298	2.058.301.968
Chi phí khác	10.365.542.499	15.342.934.202
	<b>32.521.787.258</b>	<b>38.297.354.290</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,  
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân công	67.688.637.583	79.785.058.865
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.018.059.990	26.562.647.743
Chi công cụ, dụng cụ	810.287.715	1.163.960.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.894.438.232	13.094.743.909
Chi bảo dưỡng, sửa chữa	8.811.813.199	10.399.899.066
Chi phí thuê tài sản	39.757.612.476	39.682.020.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.564.612.476	28.906.420.790
Chi phí khác	19.604.066.356	27.507.726.376
Chi phí bán hàng	5.380.407.722	7.713.509.118
	<b>199.529.935.749</b>	<b>234.815.986.887</b>
<i>Mua hàng hóa, dịch vụ với bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31.2)</i>	<b>3.485.385.117</b>	<b>4.302.780.551</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	119.866.556.170	142.447.931.870
<b>Cộng:</b>	<b>3.424.806.968</b>	<b>1.242.448.632</b>
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	261.800.000	331.200.000
- Chi phí không đủ điều kiện khấu trừ	3.163.006.968	911.248.632
<b>Trừ:</b>	<b>(25.148.417)</b>	<b>(111.373.779)</b>
- Chi phí nhiên liệu còn tồn trên xe và chi phí vật tư đã xuất nhưng chưa sử dụng	-	(72.488.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	(25.148.417)	(30.749.384)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm trước	-	(8.136.395)
<b>Trừ: Thu nhập được miễn thuế</b>	<b>(5.008.819.000)</b>	<b>-</b>
Thu nhập từ đầu tư góp vốn	(5.008.819.000)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>118.257.395.721</b>	<b>143.579.006.723</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN trong kỳ</b>	<b>23.651.479.144</b>	<b>28.715.801.345</b>
Thuế TNDN bổ sung theo Biên bản của thanh tra thuế cho năm 2022	103.509.393	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>23.754.988.537</b>	<b>28.715.801.345</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm trước chuyển sang	4.405.358	1.627.279
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	5.029.683	6.149.877
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>9.435.041</b>	<b>7.777.156</b>

**30. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	96.102.132.592	113.724.353.369
<b>Điều chỉnh giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>96.102.132.592</b>	<b>113.724.353.369</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ (CP)	26.165.732	26.165.732
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>3.673</b>	<b>4.346</b>

**31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**31.1 Các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
- Chi nhánh - TCT Hàng không Việt Nam - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	Chi nhánh của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	Công ty con của NASCO
- Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Nội Bài	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá VINA KO	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Công ty cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ
- Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	Công ty có vốn đầu tư của Công ty mẹ
- America LLC	Cổ đông lớn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**31.2 Giao dịch với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
<b>Doanh thu các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	16.050.706.751	17.080.956.910
- Công ty cổ phần giao nhận hàng hóa NASCO	1.377.920.896	1.146.767.176
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	877.712.720	495.173.495
- Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất	183.747.592	196.735.174
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Nội Bài	405.983.873	33.276.056
- Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	44.386.821	2.285.422
- Chi nhánh - TCT Hàng không VN - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	17.250.000	17.125.000
- Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	161.922.624	11.239.800
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	363.000	7.863.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	97.407.550	26.767.760
	<b>19.217.401.827</b>	<b>19.018.189.793</b>
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan</b>		
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam	1.389.618.690	2.246.146.356
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài	1.313.385.554	1.211.487.359
- Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	552.727.273	596.363.636
- Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	138.000.000	138.000.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	91.653.600	110.783.200
	<b>3.485.385.117</b>	<b>4.302.780.551</b>
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng</b>		
	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
<b>Họ và tên</b>		
<b>Chức danh</b>		
Ông Nguyễn Duy Việt (*)	390.133.991	-
Ông Nguyễn Xuân Phúc (**)	242.887.029	933.802.921
Ông Đinh Trọng Sơn	544.244.526	759.522.576
Ông Nguyễn Quốc Hưng	549.438.358	757.889.355
Ông Nguyễn Việt Dũng (***)	422.680.858	-
Ông Đinh Văn Đình	508.868.567	724.968.766
	<b>2.658.253.329</b>	<b>3.176.183.618</b>

(\*) Ông Nguyễn Duy Việt được bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/01/2023.

(\*\*) Ông Nguyễn Xuân Phúc thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/01/2023. Các khoản thu nhập phát sinh trong kỳ này là thu nhập của năm 2022.

(\*\*\*) Ông Nguyễn Việt Dũng được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 15/08/2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****31.2 Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)****Thù lao của Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Ông Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch	66.000.000	82.800.000
Ông Nguyễn Giang Tiến	Thành viên	43.200.000	66.240.000
Ông Nguyễn Xuân Phúc	Thành viên	43.200.000	66.240.000
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên	43.200.000	66.240.000
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	43.200.000	66.240.000
		<b>238.800.000</b>	<b>347.760.000</b>

**Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban	150.000.000	180.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	40.800.000	49.680.000
Ông Vũ Xuân Mạnh	Thành viên	40.800.000	49.680.000
		<b>231.600.000</b>	<b>279.360.000</b>

**Tiểu ban Kiểm toán nội bộ**

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Bà Hồ Xuân Hiếu (*)	Trưởng tiểu ban	7.500.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà (**)	Trưởng tiểu ban	1.550.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên	7.200.000	7.200.000
		<b>16.250.000</b>	<b>25.200.000</b>

(\*) Bà Hồ Xuân Hiếu được bổ nhiệm Trưởng Tiểu ban Kiểm toán nội bộ Công ty từ ngày 15/04/2023.

(\*\*) Bà Nguyễn Thị Thu Hà thôi giữ chức vụ Trưởng Tiểu ban Kiểm toán nội bộ Công ty từ ngày 17/01/2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,  
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****31.3 Số dư với các bên liên quan**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	12.125.441.495	16.457.979.043
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	2.581.140.239	2.621.653.755
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	240.553.692	312.917.613
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	719.122.782	224.408.214
- Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất	27.803.282	40.682.693
- Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	12.705.831	10.678.500
- CN TCT Hàng không Việt Nam -CTCP- Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	-	7.830.000
	<b>15.706.767.321</b>	<b>19.676.149.818</b>
<b>Phải trả bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	239.951.444	243.645.491
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam	237.361.792	163.300.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	17.539.720	18.157.480
	<b>494.852.956</b>	<b>425.102.971</b>
<b>Đặt cọc, ký quỹ</b>		
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	140.000.000	140.000.000
- Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất	120.000.000	120.000.000
	<b>260.000.000</b>	<b>260.000.000</b>

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài.

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Đinh Văn Đình

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Việt